

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Thủ tục cấp Giấy phép đối với trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước.

Bước 2: Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

Bước 3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô (nếu cần thiết);

d) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi chương trình, dự án tài chính vi mô đề nghị chuyển đổi có các đơn vị trực thuộc đang hoạt động về việc đáp ứng các quy định về mạng lưới hoạt động;

đ) Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về việc tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của ngân hàng nước ngoài.

Bước 4: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

Bước 5: Trong thời hạn 80 (tám mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến

bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc); chấp thuận về mạng lưới hoạt động (trong trường hợp đáp ứng các quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô); trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc
- + Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 do người đại diện hợp pháp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô ký (trong trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc do các thành viên góp vốn ký (trong trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), trong đó cam kết tổ chức tài chính vi mô hình thành từ việc chuyển đổi kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ có liên quan của chương trình, dự án tài chính vi mô được chuyển đổi.

2. Hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc bàn giao vốn cho tổ chức thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

3. Cam kết của người đại diện hợp pháp của tổ chức thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về số vốn của chương trình, dự án tài chính vi mô. Chương trình, dự án tài chính vi mô phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về biến động làm ảnh hưởng đến giá trị của số vốn này cho đến khi được cấp Giấy phép.

4. Văn bản của các thành viên góp vốn cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp.

5. Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

6. Hồ sơ, tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về mạng lưới hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp chương trình, dự án tài chính vi mô có hoạt động từ 02 (hai) tỉnh, thành phố trở lên.

7. Dự thảo các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng, các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô.

8. Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

a) Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên;

b) Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

c) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

9. Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô.

10. Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018.

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 (sáu) tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

(iv) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

(v) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 20, 21, 22 Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

(vii) Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

11. Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 nêu trên, phải nộp thêm:

a) Báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập xác định tài sản có, nợ phải trả của chương trình, dự án tài chính vi mô;

b) Báo cáo tình hình hoạt động năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của chương trình, dự án tài chính vi mô, trong đó báo cáo tóm tắt về cơ cấu tổ chức, tình hình tài chính và các dịch vụ hiện đang cung cấp cho khách hàng;

c) Giấy phép thành lập của chủ sở hữu hoặc văn bản tương đương;

d) Điều lệ của chủ sở hữu;

đ) Văn bản của chủ sở hữu cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

e) Văn bản của chủ sở hữu về việc thành lập Ban trụ bị, bầu, chỉ định Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

12. Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 nêu trên, phải nộp thêm:

a) Danh sách thành viên sáng lập do Trưởng Ban trụ bị ký, trong đó bao gồm các nội dung: họ và tên (đối với thành viên sáng lập là cá nhân), tên tổ chức, mức vốn góp (ghi rõ số vốn bằng đồng Việt Nam, bằng tài sản khác và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên), phương án góp vốn (nêu rõ phương thức, tiến độ góp vốn);

b) Hồ sơ của thành viên sáng lập là tổ chức:

(i) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(ii) Văn bản của các thành viên góp vốn cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

(iii) Điều lệ của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(iv) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(v) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện hợp pháp của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của tổ chức đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(vi) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Báo cáo hoạt động trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của thành viên góp vốn không phải là doanh nghiệp;

(viii) Tài liệu chứng minh đã hoặc đang tham gia quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô và hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án đó;

(ix) Ngoài những thành phần hồ sơ nêu trên, tổ chức là ngân hàng nước ngoài phải cung cấp thêm văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về ngân hàng nước ngoài như sau:

- Nội dung hoạt động được phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

- Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng trong 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Hồ sơ của thành viên sáng lập là cá nhân:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Lý lịch tư pháp trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;

(iv) Văn bản cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 80 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí:** 200.000 đồng.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

+ Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018

+ Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018

I) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.

2. Có chủ sở hữu, thành viên sáng lập đáp ứng quy định sau:

2. 1. Chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có chương trình, dự án tài chính vi mô được chuyển

đòi theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ;

b) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

c) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.

2.2. Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức chính trị hoặc tổ chức chính trị - xã hội;

b) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 (ba) năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;

c) Thành viên sáng lập là cá nhân:

(i) Có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;

(ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Không phải là cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

(iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

d) Thành viên sáng lập là tổ chức Việt Nam:

(i) Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam;

(ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

(iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

(iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;

(vi) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(viii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật;

d) Thành viên sáng lập là tổ chức nước ngoài:

(i) Là ngân hàng nước ngoài;

(ii) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng của nước nguyên xứ trong vòng 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

(iii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

(iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản.

3. Có người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau:

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên

3.1.1. Thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);

b) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 (hai) năm trở lên và có bằng đại học trở lên;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.1.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm 3.1.1;

b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 02 (hai) năm trở lên hoặc có kinh nghiệm quản lý, điều hành tổ chức có hoạt động tài chính vi mô từ 03 (ba) năm trở lên.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

3.2.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.2.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan hoặc có bằng tốt

nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

3.2.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.2.4. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

3.3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.3.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

3.3.3. Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 (hai) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc hoặc có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

3.3.4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bổ nhiệm.

3.3.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh

3.4.1. Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); Kế

toán trưởng, Giám đốc chi nhánh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng.

3.4.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực này và có ít nhất 02 (hai) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

3.4.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.4.4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Có Điều lệ không được trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;
- b) Nội dung, phạm vi hoạt động;
- c) Thời hạn hoạt động;
- d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;
- đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;
- e) Thể thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;
- g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;
- h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;
- i) Người đại diện theo pháp luật;
- k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;

l) Thẻ thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;

n) Các trường hợp giải thể;

o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017

+ Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 Quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô

+ Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng

Phụ lục số 01b

**Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động trường hợp thành lập
tổ chức tài chính vi mô trên cơ sở chuyển đổi chương trình,**

dự án tài chính vi mô

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN
ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày.... ..tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số /20.. /TT-NHNN ngày/20.. của Thống đốc Ngân
hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động tổ chức
tài chính vi mô;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là
(tên tổ chức) ngày... tháng...năm... về việc thành lập tổ chức tài chính vi
mô.....;

.....(Tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi
chính phủ, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô
đề nghị chuyển đổi) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành
lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);
- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax,

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ có liên quan của chương trình, dự án tài chính vi mô... (tên chương trình, dự án tài chính vi mô).

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

....., ngày.... tháng..... năm.....

Người đại diện hợp pháp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô đề nghị chuyển đổi ký (trong trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc các thành viên góp vốn ký (trong trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên).

(Thành viên sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ tên, thành viên sáng lập là pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên).

Sơ yếu lý lịch

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN
ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh màu

(4x6) đóng dấu
giáp lai của cơ
quan xác nhận

SƠ YẾU LÝ LỊCH**1. Về bản thân**

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
 - + Quốc tịch gốc:
 - + Các quốc tịch hiện nay:
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:
 - Số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cấp, ngày cấp:
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, số vốn góp và tỷ lệ vốn góp

(trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Các chức vụ đã đảm nhiệm tại các tổ chức khác.

- Chức vụ dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô.

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Mối quan hệ

- Kê đầy đủ mối quan hệ với người có liên quan gồm: bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột (trong đó nêu rõ tên, tuổi, địa chỉ cư trú, nơi công tác);

- Sổ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của pháp nhân; tên, ngày, tháng, năm sinh và số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức tài chính vi mô.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

6. Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

7. Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người khai đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu thành viên góp vốn là cá nhân) hoặc cơ quan nơi người khai đang làm việc (nếu là người đại diện theo ủy quyền của pháp nhân).

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**1. Thông tin người kê khai****2. Người có liên quan**

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập tổ chức tài chính vi mô
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của thành viên góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Địa chỉ cư trú hiện nay;
- Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp;
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô.

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập tổ chức tài chính vi mô.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

2. Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Ban trụ bị lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc gửi Ngân hàng Nhà nước.

Bước 2: Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

Bước 3: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thành viên sáng lập thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô (nếu cần thiết);

d) Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về việc tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của ngân hàng nước ngoài.

Bước 4: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

Bước 5: Trong thời hạn 80 (tám mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.

Bước 6: Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

Bước 7: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ.

Bước 8: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Bước 6, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép do các thành viên sáng lập ký theo mẫu tại Phụ lục số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

b) Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô;

c) Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô do Trưởng Ban trụ bị ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết thành lập, mục tiêu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; tác động xã hội dự kiến của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn;

(ii) Tên tổ chức tài chính vi mô, địa bàn dự kiến hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

(iii) Các sản phẩm và dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp cho khách hàng;

(iv) Cơ cấu tổ chức;

(v) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

- Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên;

- Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

- Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

(vi) Dự kiến đầu tư tài chính cho hệ thống công nghệ thông tin và việc áp dụng công nghệ thông tin;

(vii) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng, tối thiểu bao gồm nguyên tắc hoạt động, dự thảo các quy định nội bộ quy định tại Khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng, dự thảo quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

(viii) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

d) Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 (sáu) tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT- NHNN ngày 23/02/2018;

(iv) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

(v) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 20, 21, 22 Thông tư 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

(vii) Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

đ) Danh sách thành viên sáng lập do Trường Ban trừ bị ký, trong đó bao gồm các nội dung: họ và tên (đối với thành viên sáng lập là cá nhân), tên tổ chức, mức vốn góp (ghi rõ số vốn bằng đồng Việt Nam, bằng tài sản khác và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên), phương án góp vốn (nêu rõ phương thức, tiến độ góp vốn);

e) Hồ sơ của thành viên sáng lập là tổ chức:

(i) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(ii) Văn bản của các thành viên góp vốn cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

(iii) Điều lệ của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(iv) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(v) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện hợp pháp của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của tổ chức đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(vi) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Báo cáo hoạt động trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của thành viên góp vốn không phải là doanh nghiệp;

(viii) Tài liệu chứng minh đã hoặc đang tham gia quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô và hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án đó;

(ix) Ngoài những thành phần hồ sơ nêu trên, tổ chức là ngân hàng nước ngoài phải cung cấp thêm văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về ngân hàng nước ngoài như sau:

- Nội dung hoạt động được phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

- Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng trong 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Hồ sơ của thành viên sáng lập là cá nhân:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Lý lịch tư pháp trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;

(iv) Văn bản cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

h) Biên bản Cuộc họp thành viên sáng lập về việc thành lập Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

a) Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Biên bản cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên;

c) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát;

d) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.
- **Phí, lệ phí:** 200.000 đồng
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy phép do các thành viên sáng lập ký theo mẫu tại Phụ lục số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;
 - + Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018
 - + Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**
 1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.
 2. Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức chính trị hoặc tổ chức chính trị - xã hội;
 - b) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 (ba) năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;
 - c) Thành viên sáng lập là cá nhân:
 - (i) Có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;
 - (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và

ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Không phải là cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

(iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

d) Thành viên sáng lập là tổ chức Việt Nam:

(i) Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam;

(ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

(iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

(iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;

(vi) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(viii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật;

đ) Thành viên sáng lập là tổ chức nước ngoài:

(i) Là ngân hàng nước ngoài;

(ii) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng của nước nguyên xứ trong vòng 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

(iii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

(iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản.

3. Có người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau:

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên

3.1.1. Thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);

b) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 (hai) năm trở lên và có bằng đại học trở lên;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.1.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm 3.1.1;

b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương

của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 02 (hai) năm trở lên hoặc có kinh nghiệm quản lý, điều hành tổ chức có hoạt động tài chính vi mô từ 03 (ba) năm trở lên.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

3.2.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.2.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan hoặc có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

3.2.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.2.4. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc)

Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

3.3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.3.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

3.3.3. Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 (hai) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

3.3.4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép,

quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bổ nhiệm.

3.3.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh

3.4.1. Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng.

3.4.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực này và có ít nhất 02 (hai) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

3.4.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.4.4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Có Điều lệ không được trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;
- b) Nội dung, phạm vi hoạt động;
- c) Thời hạn hoạt động;
- d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;
- đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;
- e) Thẻ thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;

g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;

h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;

i) Người đại diện theo pháp luật;

k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;

l) Thể thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;

n) Các trường hợp giải thể;

o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017

+ Thông tư 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 Quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô

+ Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng

Phụ lục số 01a

Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp thành lập tổ chức tài chính vi mô

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số /20.. /TT-NHNN ngày .../.../20.. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là (tên tổ chức) ngày... tháng...năm... về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.....;

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax,

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

....., ngày.... tháng..... năm.....

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) tổ chức tài chính vi mô.....
(Thành viên sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, thành viên sáng lập là pháp nhân (hoặc chủ sở hữu) do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên).

Sơ yếu lý lịch

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN
ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận

SƠ YẾU LÝ LỊCH**1. Về bản thân**

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
 - + Quốc tịch gốc:
 - + Các quốc tịch hiện nay:
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:
- Số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cấp, ngày cấp:
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, số vốn góp và tỷ lệ vốn góp

(trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Các chức vụ đã đảm nhiệm tại các tổ chức khác.

- Chức vụ dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô.

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Mọi quan hệ

- Kê đầy đủ mọi quan hệ với người có liên quan gồm: bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột (trong đó nêu rõ tên, tuổi, địa chỉ cư trú, nơi công tác);

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của pháp nhân; tên, ngày, tháng, năm sinh và số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức tài chính vi mô.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

6. Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

7. Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người khai đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu thành viên góp vốn là cá nhân) hoặc cơ quan nơi người khai đang làm việc (nếu là người đại diện theo ủy quyền của pháp nhân).

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập tổ chức tài chính vi mô
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của thành viên góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Địa chỉ cư trú hiện nay;
- Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp;
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô.

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập tổ chức tài chính vi mô.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

3. Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Ban trụ bị lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc gửi Ngân hàng Nhà nước.

Bước 2: Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

Bước 3: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thành viên sáng lập có thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô (nếu cần thiết);

d) Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về việc tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của ngân hàng nước ngoài.

Bước 4: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

Bước 5: Trong thời hạn 80 (tám mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô; trường hợp

không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.

Bước 6: Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

Bước 7: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ.

Bước 8: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Bước 6, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu ký theo mẫu tại Phụ lục số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

b) Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô;

c) Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô do Trưởng Ban trụ bị ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết thành lập, mục tiêu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; tác động xã hội dự kiến của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn;

(ii) Tên tổ chức tài chính vi mô, địa bàn dự kiến hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

(iii) Các sản phẩm và dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp cho khách hàng;

(iv) Cơ cấu tổ chức;

(v) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

- Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên;

- Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

- Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

(vi) Dự kiến đầu tư tài chính cho hệ thống công nghệ thông tin và việc áp dụng công nghệ thông tin;

(vii) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng, tối thiểu bao gồm nguyên tắc hoạt động, dự thảo các quy định nội bộ quy định tại Khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng, dự thảo quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

(viii) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

d) Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 (sáu) tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

(iv) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

(v) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 20, 21, 22 Thông tư 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

(vii) Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

đ) Giấy phép thành lập của chủ sở hữu hoặc văn bản tương đương;

e) Điều lệ của chủ sở hữu;

g) Văn bản của chủ sở hữu cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

h) Văn bản của chủ sở hữu về việc thành lập Ban trụ bị, bầu, chỉ định Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

a) Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

c) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 180 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép

- Phí, lệ phí: 200.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu ký theo mẫu tại Phụ lục số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018;

+ Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018

+ Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.

2. Chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có chương trình, dự án tài chính vi mô được chuyển đổi theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ;

b) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

c) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.

3. Có người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau:

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên

3.1.1. Thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);

b) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 (hai) năm trở lên và có bằng đại học trở lên;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.1.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm 3.1.1;

b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 02 (hai) năm trở lên hoặc có kinh nghiệm quản lý, điều hành tổ chức có hoạt động tài chính vi mô từ 03 (ba) năm trở lên.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

3.2.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.2.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan hoặc có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

3.2.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.2.4. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc)

Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

3.3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.3.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

3.3.3. Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 (hai) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

3.3.4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bổ nhiệm.

3.3.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh

3.4.1. Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng.

3.4.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực này và có ít nhất 02 (hai) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

3.4.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.4.4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Có Điều lệ không được trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;
 - b) Nội dung, phạm vi hoạt động;
 - c) Thời hạn hoạt động;
 - d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;
 - đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;
 - e) Thể thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;
 - g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;
 - h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;
 - i) Người đại diện theo pháp luật;
 - k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;
 - l) Thể thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;
 - m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;
 - n) Các trường hợp giải thể;
 - o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 Quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô

+ Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng

Phụ lục số 01a

Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp thành lập tổ chức tài chính vi mô

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày... tháng.. .. năm .. .

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Thông tư số /20.. /TT-NHNN ngày .../.../20.. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là (tên tổ chức) ngày... tháng...năm... về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.....;

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt;
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);
 - Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax,
3. Địa bàn hoạt động:
4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)
5. Thời hạn hoạt động:
6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

....., ngày.... tháng..... năm.....

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) tổ chức tài chính vi mô.....
(Thành viên sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, thành viên sáng lập là pháp nhân (hoặc chủ sở hữu) do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên).

Sơ yếu lý lịch

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN
ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh màu

(4x6) đóng dấu
giáp lai của cơ
quan xác nhân

SƠ YẾU LÝ LỊCH**1. Về bản thân**

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
 - + Quốc tịch gốc:
 - + Các quốc tịch hiện nay:
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:
- Số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc sổ hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cấp, ngày cấp:
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, số vốn góp và tỷ lệ vốn góp

(trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Các chức vụ đã đảm nhiệm tại các tổ chức khác.

- Chức vụ dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô.

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Môi quan hệ

- Kê đầy đủ mối quan hệ với người có liên quan gồm: bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột (trong đó nêu rõ tên, tuổi, địa chỉ cư trú, nơi công tác);

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của pháp nhân; tên, ngày, tháng, năm sinh và số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức tài chính vi mô.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

6. Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

7. Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người khai đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu thành viên góp vốn là cá nhân) hoặc cơ quan nơi người khai đang làm việc (nếu là người đại diện theo ủy quyền của pháp nhân).

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**1. Thông tin người kê khai****2. Người có liên quan**

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập tổ chức tài chính vi mô
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của thành viên góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Địa chỉ cư trú hiện nay;
- Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp;
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô.

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập tổ chức tài chính vi mô.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

4. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được lập theo quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

+ Bước 2: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ các lý do không chấp thuận.

+ Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước bổ sung các văn bản quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

+ Bước 5: Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

+ Bước 6: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ các lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 02a.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;

b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông góp vốn thành lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

(iii) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống

thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin.

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện.

i) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau:

- Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành;

- Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác.

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ.

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động, các báo cáo tài chính của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ

tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 03; Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

c) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

d) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến.

6. Danh sách các cổ đông sáng lập và dự kiến danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 04.

7. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần đối với cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 05a;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục 06;

(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 03; Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp do cổ đông sáng lập quản lý hoặc Bản sao văn bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành kinh tế hoặc luật;

- Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh liên quan của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 07;

b) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục 05b.

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục 06.

(iii) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương;

(iv) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(v) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

(vi) Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng;

(vii) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập ngân hàng;

(viii) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

(ix) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục 03; Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Báo cáo tài chính 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm

toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo tài chính này không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

(x) Bảng xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 08;

(xi) Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức.

Các văn bản bổ sung sau khi được chấp thuận nguyên tắc:

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

+ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên;

+ Biên bản họp Hội đồng quản trị thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

+ Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

+ Danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 04;

+ Văn bản của một ngân hàng thương mại nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các cổ đông góp vốn thành lập;

+ Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại cổ phần;

+ Các Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần quy định tại điểm i khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua;

+ Báo cáo của cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm g khoản 2 Điều 9 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản.

+ Danh mục tài liệu.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.
 - **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
 - **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.
 - **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần.
 - **Lệ phí:** 140.000.000 đồng.
 - **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng (Phụ lục số 2a).
 - + Sơ yếu lý lịch (Phụ lục số 03).
 - + Danh sách các cổ đông sáng lập và dự kiến danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định (Phụ lục số 04).
 - + Đơn mua cổ phần đối với cá nhân (Phụ lục số 05a).
 - + Đơn mua cổ phần đối với tổ chức (Phụ lục số 05b).
 - + Bảng kê khai người có liên quan (Phụ lục số 06).
 - + Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh liên quan của cá nhân (Phụ lục số 07).
 - + Bảng xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng (Phụ lục số 08).
- l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**
- Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;
 - Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.
 - Điều kiện đối với cổ đông sáng lập:

a) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác;

b) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập;

c) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b nêu trên, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Mang quốc tịch Việt Nam;

(ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(iii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân để góp vốn;

(iv) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành kinh tế hoặc luật.

d) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b nêu trên, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

(ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

(iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của pháp luật;

(viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật;

(ix) Trường hợp là ngân hàng thương mại:

- Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;

- Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;

- Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

- Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Ngân hàng Nhà nước ngày 16 tháng 6 năm 2010;

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng ...(đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày...tháng...năm...về việc thành lập Ngân hàng...;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng.. thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng ...đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
3. Nội dung hoạt động:
4. Thời gian hoạt động:
5. Vốn điều lệ: ...đồng (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số GP hoặc số đăng ký kinh	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp

		doanh hoặc số CMND, số hộ chiếu.			
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng.

...,ngày...tháng...năm...

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng ...

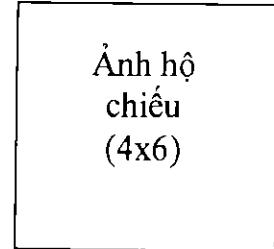
(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Nơi ở hiện nay:
- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).



2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính
- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.
- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp là cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mọi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Tôi,.....xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày...tháng...năm...

**Xác nhận của cấp có thẩm quyền
của đơn vị công tác hoặc chính
quyền nơi cư trú**

Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG...

STT	Thông tin về tổ chức, cá nhân	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Số cổ phần	Loại cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
I. Cổ đông sáng lập:						
Tổ chức						
1	Công ty A					
2						
Cá nhân						
3	Nguyễn Văn A					
4						
II. Cổ đông góp vốn khác						
Tổ chức						
5	Công ty B					
6						
Cá nhân						
7	Nguyễn Văn B					
8						

Trưởng Ban trụ bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Thông tin về tổ chức bao gồm:

a) Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức:

- Địa điểm đặt trụ sở chính:

- Số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương

b) Thông tin về người người đại diện vốn góp

- Họ và tên:

- Địa chỉ thường trú:

- Quốc tịch:

- Số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân;

2. Thông tin về cá nhân bao gồm:

- Họ và tên:

- Địa chỉ thường trú:

- Quốc tịch:

- Số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân,

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***..., ngày ... tháng ... năm***ĐƠN MUA CỔ PHẦN****Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng ...****1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:**

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Ngày tháng năm sinh
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng ...

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, do... cấp ngày... tháng ... năm.

- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính
- Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
- Quốc tịch
- Nơi ở hiện nay
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú

3. Người được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần:

- Họ và tên
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại
- Mối liên hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó)
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
- Quốc tịch

- Nơi ở hiện nay
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó;

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, chúng tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;
- b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;
- c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và "người có liên quan"	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập ngân hàng		Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP...
			Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CTHĐQT, giám đốc ...			
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Họ và tên Người kê khai tài sản:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu số:
- Ngày cấp: / / Nơi cấp:
- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

<i>TT</i>	<i>Loại tài sản</i>	<i>Thông tin mô tả về tài sản</i>
	Nhà, công trình xây dựng	<p>- Số lượng: cái</p> <p>1.1 Nhà thứ nhất:</p> <p>+ Loại nhà:.....+ Diện tích đất :m²</p> <p>+ Diện tích đất xây dựng:.....m²</p> <p>+ Diện tích sử dụng :m²</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường.....</p> <p>1.2. Nhà thứ hai:</p> <p>+ Loại nhà:.....+ Diện tích đất :m²</p> <p>+ Diện tích đất xây dựng:..... m²</p>

		<p>+ Diện tích sử dụng :m²</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường: ...</p> <p>1.3. Nhà thứ ... :</p>
	Quyền sử dụng đất	<p>- Số lượng:thửa</p> <p>2.1 Thừa thứ nhất:</p> <p>+ Loại đất:.....</p> <p>+ Diện tích:..... m²</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá thừa đất theo giá thị trường:</p> <p>2.2. Thừa thứ hai:</p> <p>+ Loại đất:.....</p> <p>+ Diện tích:..... m²</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá thừa đất theo giá thị trường:</p> <p>2.3. Thừa thứ ...:</p>
	Tài sản ở nước ngoài	<p>- Động sản:</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)</p> <p>+ Tên:.....</p> <p>+ Số lượng:</p> <p>+ Trị giá theo giá thị trường:</p> <p>- Bất động sản:.....</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên</p>

		<p>quan)</p> <p>+ Tên:.....</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>+ Trị giá theo giá thị trường:</p>
	Tài khoản ở nước ngoài	<p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)</p> <p>- Ngân hàng mở tài khoản:.....</p> <p>- Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:.....</p>
	Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	<p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy đăng ký của cơ quan chức năng)</p> <p>- Chung loại, nhãn hiệu:.....</p> <p>- Số lượng:.....</p> <p>- Tổng giá trị theo giá thị trường:.....</p>
	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	<p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan nếu có)</p> <p>- Tổng giá trị ước tính:.....</p>
	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.	<p>Tiền mặt:</p> <p>Tổng giá trị :.....</p>
		<p>Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng...):</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực của ngân hàng)</p> <p>Tổng giá trị:.....</p>
		<p>Cổ phiếu:</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực của công ty phát hành hoặc công ty chứng khoán)</p> <p>Tổng giá trị theo mệnh giá.....</p> <p>Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):.....</p>

		Trái phiếu: (Đính kèm bản sao có chứng thực của cơ quan phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá:..... Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):.....
		Các công cụ chuyển nhượng khác: Tổng giá trị theo mệnh giá..... Tổng giá trị theo giá thị trường :.....
	Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Tên: ... - Số lượng: ... - Tổng giá trị ước tính:

Tôi cam kết Bản tự kê khai tài sản trên đây là trung thực, đầy đủ. Nếu khai
 man, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

... .., ngày ... tháng ... năm ..

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai về nhà, công trình xây dựng khác:

- Không phải kê khai nhà công vụ;
- Nhà, công trình xây dựng phải kê khai gồm: nhà ở, nhà xưởng, nhà hàng, câu lạc bộ, các công trình xây dựng khác...
- Nhà, công trình xây dựng tiếp theo (nếu có) thì kê khai như nhà, công trình xây dựng thứ nhất, thứ hai.

2. Đối với phần kê khai 5, 6, 7, 8:

Chỉ kê khai nếu tổng giá trị của mỗi loại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên. Ví dụ: có 3 xe máy, nếu tổng giá trị của 3 xe máy từ 100 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu tổng giá trị của 3 xe máy dưới 100 triệu đồng thì không phải kê khai.

3. Đối với tài sản chung theo phần:

Kê khai rõ được phần thuộc sở hữu của người kê khai, giá trị ước tính của phần tài sản đó.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cách xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

A- Công thức tính khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với cổ đông là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng:

1.1. Công thức tổng quát:

<i>Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại</i>	=	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>- Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu</i>
--	---	---------------------------	---

1.2. Công thức cụ thể:

$$\boxed{A = E - LI} \quad (1) \text{ và}$$

$$\boxed{LI = LA - LD} \quad (2)$$

Trong đó:

+ A: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại của tổ chức

+ E: Vốn chủ sở hữu

+ LI: Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu

+ LD: Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn

+ LA: Tài sản dài hạn

* Nếu $A \geq$ Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

* Nếu $A <$ Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức không có đủ khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

B- Ví dụ minh họa:

Theo Đề án, Công ty X sẽ góp 100 tỷ VND để thành lập ngân hàng thương mại Y. Phân tích nguồn vốn để Công ty X góp thành lập ngân hàng thương mại Y dựa trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31/7/ 2007 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

TT	Tài sản		TT	Nguồn vốn	
.	Tài sản ngắn hạn	1.092,4 2	.	Nợ phải trả	664,88
.	Tiền và các khoản tương đương tiền	711,90	.	Nợ ngắn hạn	517,18
.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	.	Nợ dài hạn	147,70
.	Các khoản phải thu ngắn hạn	377,87			
.	Hàng tồn kho	0,08			
.	Tài sản ngắn hạn khác	2,57			
I.	Tài sản dài hạn	1.530,9 0	I.	Vốn chủ sở hữu	1.958,44
.	Các khoản phải thu dài hạn	0	.	Vốn chủ sở hữu	1.900
.	Tài sản cố định	26,02	.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	58,44
.	Bất động sản đầu tư	0			
.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.504,7 8			
.	Tài sản dài hạn khác	0,10			
	Cộng	2.623,3 2		Cộng	2.623,32

Vận dụng công thức (1) và (2) để xác định khả năng về tài chính của Công ty X để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y, ta có:

Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi Vốn chủ sở hữu (LI)		Vốn chủ sở hữu (E)	
Tài sản dài hạn (LA)	1.530,90 tỷ VND	Vốn chủ sở hữu	1.900 tỷ VND
Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (LD)*	147,70 tỷ VND		
$LI=LA-LD$	1.383.2 tỷ VND	E	1.900 tỷ VND
$A=E-LI$			516,8 tỷ VND

So sánh A (516,8 tỷ VND) với Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại Y theo cam kết của Công ty X (100 tỷ VND) có thể thấy Công ty X có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y (516,8 tỷ VND > 100 tỷ VND).

Chú ý.

* Nếu trong Thuyết minh báo cáo tài chính của tổ chức chưa thuyết minh rõ về khoản mục Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn,...) thì cần yêu cầu tổ chức có văn bản thuyết minh rõ về khoản mục này.

5. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

+ Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

+ Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước các văn bản bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

+ Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

+ Bước 6: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN).

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội nghị thành lập thông qua hoặc chủ sở hữu phê duyệt.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội nghị thành lập thông qua hoặc chủ sở hữu phê duyệt, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập;

c) Năng lực tài chính của chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy Ban thuộc Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát,

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Kế hoạch đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, trong đó thuyết minh về hệ thống công nghệ thông tin dự kiến đầu tư đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; khả năng tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hệ thống thông tin quản lý hiệu quả;

(iii) Hồ sơ về hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động;

(iv) Các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật phù hợp với nội dung hoạt động dự kiến triển khai;

(v) Nhận diện, đo lường và phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng;

(vi) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây:

- Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành;

- Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về

tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

c) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản Hội nghị thành lập thông qua hoặc văn bản của chủ sở hữu phê duyệt dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

6. Danh sách các thành viên sáng lập, thành viên góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN).

7. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật và phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

b) Tên, địa chỉ của các bên tham gia liên doanh và người đại diện theo pháp luật của các bên liên doanh;

- c) Thời hạn hoạt động của liên doanh;
 - d) Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn, mức vốn góp của mỗi bên, phương thức góp vốn, tiến độ góp vốn điều lệ;
 - đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên liên doanh;
 - e) Số lượng và tỷ lệ thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của các bên trong liên doanh;
 - g) Dự kiến số phòng ban và số lượng cán bộ, nhân viên thời gian đầu của mỗi bên (số người mang quốc tịch Việt Nam, số người mang quốc tịch nước ngoài);
 - h) Các nguyên tắc về hạch toán, kế toán, báo cáo, lập và sử dụng các quỹ; việc phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Thủ tục giải quyết những tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh, thủ tục thanh lý, giải thể, sáp nhập và hợp nhất của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;
 - k) Các điều kiện để sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh;
- Hợp đồng liên doanh phải do đại diện hợp pháp của các bên liên doanh ký tắt vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối hợp đồng.
8. Hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.
9. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam:
- a) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;
 - b) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;
 - c) Văn bản uỷ quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;
 - d) Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động;
 - đ) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phân vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
 - e) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
 - g) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy

phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

h) Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

i) Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức;

k) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

l) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

m) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

10. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

b) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động;

d) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

đ) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

e) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ

sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

g) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

h) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

i) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

k) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh và tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp pháp luật nước nguyên xứ quy định cơ quan có thẩm quyền không có chức năng cấp văn bản này thì phải có bằng chứng xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ hoặc văn bản pháp luật của nước nguyên xứ quy định về vấn đề này, được hợp pháp hoá lãnh sự, dịch sang tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật;

l) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động đã được cấp phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định của nước nguyên xứ về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

n) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

o) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cam kết bảo đảm khả năng giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

p) Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

(i) Sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

(ii) Bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Các văn bản nộp bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc:

a) Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập;

c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

d) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm i(ii) khoản 3 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN đã được Hội đồng thành viên thông qua;

đ) Báo cáo của ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam về việc tuân thủ các quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ đánh giá tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, c, đ khoản 3 Điều 12 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e nêu trên, Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau đây:

(i) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

(ii) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

h) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e nêu trên, Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau đây:

(i) Biên bản và Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;

(ii) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

(iii) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

- Số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được lập 01 bộ gốc bằng tiếng Việt;

+ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài được lập thành 02 bộ gốc gồm 01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh, trong đó: a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây: (i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước; (ii) Các báo cáo tài chính; b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam; c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn giải quyết: 180 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đáp ứng các điều kiện theo quy định thành lập tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

- **Lệ phí:** 70.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Phụ lục số 01 (Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 02 (Mẫu sơ yếu lý lịch tự khai)

+ Phụ lục số 03 (Danh sách các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 05 (Bảng kê khai người có liên quan)

+ Phụ lục số 07 (Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 08 (Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại)

- **Yêu cầu, điều kiện:**

+ Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

+ Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

+ Điều kiện đối với thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):

a) Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

c) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

d) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

đ) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

e) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

g) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật có liên quan.

+ Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam:

a) Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

c) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

g) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

h) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

+ Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

b) Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

c) Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm các tổ chức này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật các tổ chức tín dụng;

d) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

đ) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

h) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng từ mức ổn định trở lên, mức có khả năng thực hiện các cam kết tài chính và hoạt động bình thường ngay cả khi tình hình, điều kiện kinh tế biến đổi theo chiều hướng không thuận lợi;

i) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

k) Không phải là cổ đông chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

l) Trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài là công ty cho thuê thì số dư cho thuê tài chính và cho vay phải chiếm tối thiểu 70% tổng tài sản của công ty.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY ... (*)**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập ngày...tháng...năm....;

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Công ty ...(*) thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu Công ty...(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng với các nội dung sau đây:

1. Hình thức tổ chức:
2. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)
 - Tên giao dịch (nếu có)
3. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
4. Nội dung hoạt động:
5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ: ... đồng Việt Nam (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

7. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Công ty ...(*)

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 02**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*Ảnh màu
(4x6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận lý
lịch*

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
- + Quốc tịch gốc:
- + Các Quốc tịch hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính;
- Các chức vụ đang giữ tại các tổ chức khác;
- Chức vụ dự kiến được bầu (bổ nhiệm) tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Kê khai người có liên quan

Kê khai người có liên quan của người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với lời khai này.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

**Xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc
Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu
thường trú**

.. .., ngày .. tháng .. năm

Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) GÓP VỐN THÀNH LẬP
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống
độc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG
TY ...(*)

STT (1)	Tên cổ đông, thành viên góp vốn (2)	Địa chỉ (3)	Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu (4)	Giá trị vốn góp (5)	Số cổ phần (6)	Loại cổ phần (7)	Tỷ lệ vốn góp (8)
I. Cổ đông (thành viên) sáng lập:							
Tổ chức							
1	Công ty A						
2							
Cá nhân							
3	Nguyễn Văn A						
4							
II. Cổ đông (thành viên) góp vốn khác							
Tổ chức							
5	Công ty B						
6							
Cá nhân							
7	Nguyễn Văn B						
8							

Trưởng Ban trụ bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 05**BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**1. Thông tin người kê khai****2. Người có liên quan**

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập Công ty...(*)
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Địa chỉ cư trú hiện nay;
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp;
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập Công ty ... (*).

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập Công ty .. (*) căn cứ theo Phụ lục số 04A, Phụ lục số 04B Thông tư này.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến góp vốn tham gia thành lập

PHỤ LỤC SỐ 07**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA
TỔ CHỨC GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN
HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN
VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC**

1. Tên tổ chức:
2. Mã số thuế:
3. Lĩnh vực kinh doanh:
4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ.
 - Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
- + Thời điểm: Tháng/ năm
- + Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào):*

....., ngày ... tháng ... năm ..

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 08**BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG CỦA TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống
đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: (1)**1. Thông tin về tổ chức:**

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do... cấp ngày... tháng... năm...
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính
- Số điện thoại: Số Fax:
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ... (*)

- A: Vốn chủ sở hữu (2).
 - B: Tài sản dài hạn (3) trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (4).
 - C: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ...(*)
- (C = A - B)

Kết luận: Đủ khả năng tài chính góp vốn thành lập Công ty ... (*) (chỉ kết luận này khi C tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của tổ chức)

Ghi chú:

- (1): Gửi Ban trụ bị.
- (2), (3), (4): Được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

6. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.

+ Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

+ Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước các văn bản bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

+ Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

+ Bước 6: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN).

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội nghị thành lập thông qua.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội nghị thành lập thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị; Trưởng ban các Ủy Ban thuộc Hội đồng quản trị;

(ii) Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Kế hoạch đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, trong đó thuyết minh về hệ thống công nghệ thông tin dự kiến đầu tư đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; khả năng tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hệ thống thông tin quản lý hiệu quả;

(iii) Hồ sơ về hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động;

(iv) Các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật phù hợp với nội dung hoạt động dự kiến triển khai;

(v) Nhận diện, đo lường và phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng;

(vi) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây:

- Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành;

- Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và

thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng.

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

c) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản Hội nghị thành lập thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

6. Danh sách các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN).

7. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04A Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

b) Đối với cá nhân là cổ đông sáng lập:

(i) Hồ sơ quy định tại điểm a nêu trên;

(ii) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng.

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(iii) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

c) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04B Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

(iii) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(iv) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(v) Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động;

(vi) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(vii) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(viii) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(ix) Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

(x) Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức;

d) Đối với tổ chức là cổ đông sáng lập:

(i) Hồ sơ quy định tại điểm c nêu trên;

(ii) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(iii) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

(iv) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

Các văn bản nộp bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc:

+ Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Đại hội thành lập thông qua;

+ Biên bản và Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

+ Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

+ Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

+ Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các cổ đông góp vốn thành lập;

+ Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

+ Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm i(ii) khoản 3 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN đã được Đại hội thành lập, Hội đồng quản trị thông qua;

+ Báo cáo của cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam về việc tuân thủ các quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.

- **Lệ phí:** 70.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Phụ lục số 01 (Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng).

+ Phụ lục số 02 (Mẫu sơ yếu lý lịch tự khai)

+ Phụ lục số 03 (Danh sách các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 04A (Mẫu đơn mua cổ phần đối với cá nhân)

- + Phụ lục số 04B (Mẫu đơn mua cổ phần đối với tổ chức)
- + Phụ lục số 05 (Bảng kê khai người có liên quan)
- + Phụ lục số 06 (Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)
- + Phụ lục số 07 (Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)
- + Phụ lục số 08 (Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại)

- Yêu cầu, điều kiện:

- + Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;
- + Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;
- + Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- + Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.
- + Điều kiện đối với cổ đông sáng lập:
 - a) Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;
 - c) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b nêu trên, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng điều kiện sau đây:
 - (i) Mang quốc tịch Việt Nam;
 - (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức;
 - d) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b nêu trên, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng điều kiện sau đây:
 - (i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
 - (ii) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Đối với tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):

- Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

- Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật có liên quan;

(v) Đối với ngân hàng thương mại Việt Nam:

- Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

- Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

- Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

+ Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 tháng 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... , ngày ... tháng ... năm .

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY ... (*)**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập ngày...tháng...năm....;

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Công ty ...(*) thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu Công ty...(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng với các nội dung sau đây:

1. Hình thức tổ chức:
2. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)
 - Tên giao dịch (nếu có)
3. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
4. Nội dung hoạt động:
5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ: ... đồng Việt Nam (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

7. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Công ty ...(*)

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 02**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*Ảnh màu
(4x6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận lý
lịch*

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
- + Quốc tịch gốc:
- + Các Quốc tịch hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học, thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính;
- Các chức vụ đang giữ tại các tổ chức khác;
- Chức vụ dự kiến được bầu (bổ nhiệm) tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Kê khai người có liên quan

Kê khai người có liên quan của người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với lời khai này.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

...., ngày ... tháng . năm.....

**Xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc
Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu
thường trú**

Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC SỐ 03

**DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) GÓP VỐN THÀNH LẬP
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG
TY ...(*)**

STT (1)	Tên cổ đông, thành viên góp vốn (2)	Địa chỉ (3)	Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu (4)	Giá trị vốn góp (5)	Số cổ phần (6)	Loại cổ phần (7)	Tỷ lệ vốn góp (8)
I. Cổ đông (thành viên) sáng lập:							
Tổ chức							
1	Công ty A						
2							
Cá nhân							
3	Nguyễn Văn A						
4							
II. Cổ đông (thành viên) góp vốn khác							
Tổ chức							
5	Công ty B						
6							
Cá nhân							
7	Nguyễn Văn B						
8							

Trưởng Ban trụ bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 04A**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng .. năm...

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Công ty ... (*)

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Ngày tháng năm sinh:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:
- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty ...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

- b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;
- c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty ...(*), các quy định nội bộ của Công ty ...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 04B**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm..

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Công ty ... (*)

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do... cấp ngày... tháng ... năm...:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Số Fax: ...

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ cư trú hiện nay:

3. Người được cử làm đại diện phần vốn góp của tổ chức tại Công ty....(*):

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Quan hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Quốc tịch:

- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Địa chỉ cư trú hiện nay:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Loại cổ phần:

- Giá trị:

- Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp, mua cổ phần và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty ...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, (tên tổ chức đề nghị mua cổ phần) cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân khác để góp vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của khoản tiền đã góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty ...(*), các quy định nội bộ của Công ty ... (*) và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 05**BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**1. Thông tin người kê khai****2. Người có liên quan**

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập Công ty...(*)
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Địa chỉ cư trú hiện nay;
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp;
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập Công ty ... (*).

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập Công ty ... (*) căn cứ theo Phụ lục số 04A, Phụ lục số 04B Thông tư này.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến góp vốn tham gia thành lập

PHỤ LỤC SỐ 06**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN
VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA CÁ NHÂN**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu:
4. Số tài khoản tại ngân hàng:
5. Nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh:
6. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - + Thời điểm: Tháng/ năm
 - + Thực trạng xử lý nợ xấu (*Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào*):

..., ngày... tháng... năm...

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 07

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA
TỔ CHỨC GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN
HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống
đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN
VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC**

1. Tên tổ chức:
2. Mã số thuế:
3. Lĩnh vực kinh doanh:
4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
- + Thời điểm: Tháng/ năm
- + Thực trạng xử lý nợ xấu (*Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào*):

....., ngày . tháng năm ...

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 08**BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG CỦA TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống
đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do... cấp ngày... tháng... năm...
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính
- Số điện thoại: Số Fax:
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ... (*)

- A: Vốn chủ sở hữu (2).
- B: Tài sản dài hạn (3) trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (4).
- C: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ...(*)

$(C = A - B)$

Kết luận: Dù khả năng tài chính góp vốn thành lập Công ty ... (*) (chỉ kết luận này khi C tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của tổ chức)

Ghi chú:

- (1): Gửi Ban trụ bị.
- (2), (3), (4): Được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

7. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được lập theo quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

+ Bước 2: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ các lý do không chấp thuận.

+ Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước bổ sung các văn bản quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

+ Bước 5: Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

+ Bước 6: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ các lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02a.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;

b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông góp vốn thành lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

(iii) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin.

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện.

i) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau:

+ Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành;

+ Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác.

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ.

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động, các báo cáo tài chính của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 03; Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định; Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

c) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

d) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến.

6. Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

b) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động được phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp tại ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật kèm theo hộ chiếu của người đại diện vốn góp.

7. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam:

a) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục 06.

b) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại ngân hàng theo quy định của pháp luật;

d) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

đ) Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng;

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập ngân hàng;

g) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo này không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

h) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, thành viên sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

+ Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục 03; Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Báo cáo tài chính 05 năm liên kế năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo tài chính này không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.

k) Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức.

8. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật; hợp đồng thoả thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

9. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

10. Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

- Sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

- Đảm bảo duy trì giá trị thực có của vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Các văn bản bổ sung sau khi được chấp thuận nguyên tắc:

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua.

+ Văn bản của một ngân hàng thương mại nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các thành viên sáng lập.

+ Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại.

+ Các Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài quy định tại điểm i khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN đã được Hội đồng thành viên thông qua.

+ Báo cáo của thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm g khoản 2 Điều 9 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xur đánh giá chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 10 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản

+ Danh mục tài liệu.

Ngoài các hồ sơ nêu trên, Ban trụ bị thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

- Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

- Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách.

Ngoài các hồ sơ nêu trên, Ban trụ bị thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

- Biên bản cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên;

- Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

- Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ gồm 01 bộ tiếng Việt và 01 bộ tiếng Anh.

- **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục 01a ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-NHNN)

- **Phí, lệ phí: 140.000.000 đồng**

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng (Phụ lục số 02a)

+ Sơ yếu lý lịch (Phụ lục số 03).

+ Bảng kê khai người có liên quan (Phụ lục số 06)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

+ Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

+ Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng.

+ Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

+ Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có hoạt động lành mạnh, đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có, tình hình tài chính, các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm các tổ chức này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật các tổ chức tín dụng.

+ Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong vòng năm (05) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau: (i) Triển vọng từ mức ổn định trở lên; (ii) Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Rating) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's). Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đó phải chuyển đổi thứ hạng tín nhiệm tương ứng, phù hợp với thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài có lãi trong năm (05) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đôla Mỹ vào cuối năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác.

(iii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân để góp vốn.

(iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(v) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kể năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(vi) Kinh doanh có lãi trong năm (05) năm liền kể năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(vii) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(viii) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của pháp luật.

(ix) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật.

(x) Trường hợp là ngân hàng thương mại: Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng; Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.

+ Trong thời hạn 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017

+ Luật Ngân hàng Nhà nước ngày 16 tháng 6 năm 2010;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn

phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian hành toán cho các tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng ... (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày...tháng...năm.... về việc thành lập Ngân hàng...;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng... thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng ... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
3. Nội dung hoạt động:
4. Thời gian hoạt động:
5. Vốn điều lệ: ...đồng (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số GP hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số CMND, số hộ chiếu.	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Thực hiện đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng.

...,ngày...tháng...năm...

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng ...

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh hộ
chiếu
(4x6)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Nơi ở hiện nay:
- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính
- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.
- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp là cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mỗi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Tôi,.....xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

**Xác nhận của cấp có thẩm quyền
của đơn vị công tác hoặc chính
quyền nơi cư trú**

..., ngày...tháng...năm...

Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập ngân hàng		Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP...
			Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CTHDQT, giám đốc ...			
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân.

8. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập của Quỹ tín dụng nhân dân

- Trình tự thực hiện:

a) Chấp thuận nguyên tắc việc thành lập:

- Bước 1: Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

(i) Có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã Việt Nam về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị. Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được ý kiến bằng văn bản của các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác định đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến phản đối.

- Bước 5: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam hoặc kể từ ngày hết thời hạn gửi lấy ý kiến mà không nhận được ý kiến tham gia, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 6: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh: Ban trụ bị tổ chức Đại hội thành lập và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

b) Cấp Giấy phép:

- Bước 1: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các hồ sơ quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

- Bước 2: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tỉnh thành phố;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

*Hồ sơ chấp thuận nguyên tắc:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do Trưởng Ban trụ bị ký theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua.

3. Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua, trong đó nêu rõ:

a) Sự cần thiết thành lập quỹ tín dụng nhân dân;

b) Tên quỹ tín dụng nhân dân, địa bàn hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN;

c) Cơ cấu tổ chức;

d) Quy định về quản lý rủi ro, trong đó nêu rõ các loại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, phương thức và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;

đ) Quy trình, chính sách cho vay đối với thành viên, người có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân, hộ nghèo trên địa bàn không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;

e) Công nghệ thông tin: Dự kiến hệ thống công nghệ thông tin để quản lý hoạt động, khả năng áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng và việc đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin;

g) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của

Ngân hàng Nhà nước;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu phù hợp với nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó phân tích, thuyết minh tính hiệu quả và khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

4. Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân.

5. Tài liệu chứng minh năng lực của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân gồm:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 04 Thông tư số 01/2023/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an, không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Lý lịch tư pháp do Sở tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và quy định tại Điều 20, Điều 23, Điều 24 Thông tư 04/2015/TT-NHNN.

6. Danh sách các thành viên tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. Danh sách phải được tất cả thành viên tham gia góp vốn ký xác nhận, có tối thiểu các nội dung sau:

a) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);

b) Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu đối với thành viên là cá nhân; số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện hộ gia đình đối với thành viên là hộ gia đình; mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương và số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện phân vốn góp đối với thành viên là pháp nhân;

c) Số tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên.

7. Giấy xác nhận nơi công tác, bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc của cơ quan, đơn vị tuyển dụng đối với thành viên góp vốn là cán bộ, công chức, viên chức.

8. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương (đối với thành viên là pháp nhân).

9. Văn bản ủy quyền của pháp nhân cho người đại diện của pháp nhân tham gia góp vốn.

10. Văn bản ủy quyền của hộ gia đình cho người đại diện hộ gia đình tham gia góp vốn.

11. Báo cáo tài chính năm liền kề năm đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm ký đơn đề nghị cấp Giấy phép (đối với thành viên là pháp nhân).

12. Báo cáo khả năng tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân theo quy định tại Phụ lục số 06 Thông tư này.

13. Đơn đề nghị tham gia thành viên theo mẫu tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 Thông tư số 01/2023/TT-NHNN.

15. Biên bản Hội nghị thành lập.

* Hồ sơ cấp phép thành lập

1. Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân đã được Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân thông qua và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

3. Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách) theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận; Nghị quyết của Đại hội thành lập thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền phải được các thành viên tham dự Đại hội thành lập biểu quyết thông qua theo nguyên tắc đa số.

4. Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân về việc bổ nhiệm Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận.

5. Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Quỹ tín dụng nhân dân.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân.
- **Lệ phí:** 200.000 đồng.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Quỹ tín dụng nhân dân (theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-NHNN)
 - + Đơn tham gia thành viên (theo Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN.
 - + Sơ yếu lý lịch (theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN;
 - + Mẫu sổ góp vốn (theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN);
 - + Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn Quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân (theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-NHNN).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**
 - + Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép;
 - + Có tối thiểu 30 thành viên đáp ứng điều kiện để trở thành thành viên và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn thành lập;
 - + Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Điều 20, Điều 23 và Điều 24 Thông tư 04/2015/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.
 - + Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư 04/2015/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2017/TT-NHNN và Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.
 - + Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 năm đầu hoạt động.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về Quỹ tín dụng nhân dân;

+ Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN quy định về Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN quy định về Quỹ tín dụng nhân dân.

+ Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

+ Thông tư số 01/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân;

+ Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập hoạt động quỹ tín dụng nhân dân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.... .. , ngày tháng . . . năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ..

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010,

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày.../.../..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập quỹ tín dụng nhân dân ...ngày... tháng. . năm ;

Ban trụ bị thành lập quỹ tín dụng nhân dân đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân với các nội dung sau đây:

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân.
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt;
 - Tên giao dịch (nếu có).
2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax:
3. Địa bàn hoạt động:
4. Nội dung, phạm vi hoạt động:
- 5 Thời hạn hoạt động:

6. Vấn đề điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký kinh doanh, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân./.

TRƯỞNG BAN TRỦ BỊ

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 01**Mẫu đơn tham gia thành viên**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN ngày 01/3/2023 của

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN

(Đối với cá nhân)

Kính gửi. Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân

1. Cá nhân đề nghị tham gia thành viên

- Họ và tên *(tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)*.

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *(Số thẻ Căn cước công dân được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sử dụng để khai thác thông tin về cư trú trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ)*:

- Địa chỉ nơi cư trú:

- Nghề nghiệp, nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Số điện thoại:

- Quốc tịch:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin được đăng ký tham gia là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân với số tiền góp vốn là đồng.

2. Cam kết

Tôi xin cam kết:

a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của Quỹ tín dụng nhân dân

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào quỹ tín dụng nhân dân.....,

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân..... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm theo quy định

Người đề nghị tham gia thành viên

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 02**Mẫu đơn tham gia thành viên đối với hộ gia đình**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN ngày 01/3/2023 của

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... .. ngày tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN

(Đối với hộ gia đình)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân..... ..

1. Cá nhân đại diện hộ gia đình đề nghị tham gia thành viên

- Họ và tên (*tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa*):

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (*Số thẻ Căn cước công dân được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sử dụng để khai thác thông tin về cư trú trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ*):

- Địa chỉ nơi cư trú:

- Nghề nghiệp, nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Số điện thoại:

- Quốc tịch:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi được các thành viên trong hộ gia đình cử làm đại diện đăng ký tham gia làm thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân với số tiền góp vốn là... .. đồng.

2. Cam kết

Chúng tôi xin cam kết:

a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của Quỹ tín dụng nhân dân. ... ,

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào Quỹ tín dụng nhân dân. . . ;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm theo quy định.

(Đính kèm văn bản ủy quyền của các thành viên trong hộ gia đình)

Người đại diện hộ gia đình

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 03**Mẫu đơn tham gia thành viên đối với pháp nhân**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN ngày 01/3/2023 của
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN**(Đối với pháp nhân)**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân..... ..

1. Pháp nhân đề nghị tham gia thành viên

- Tên pháp nhân (*tên đầy đủ, tên giao dịch nếu có, ghi bằng chữ in hoa*):
- Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương, do .. cấp ngày.... thángnăm

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: Số Fax:

2. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên (*tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa*):

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ nơi cư trú:

- Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (*Số thẻ Căn cước công dân được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sử dụng để khai thác thông tin về cư trú trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ*):

- Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Số điện thoại:

3. Người đại diện theo ủy quyền tại quỹ tín dụng nhân dân

- Họ và tên (*tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa*).
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quốc tịch:
- Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (*Số thẻ Căn cước công dân được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sử dụng để khai thác thông tin về cư trú trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ*):
- Địa chỉ nơi cư trú:
- Chức vụ đang đảm nhiệm:
- Số điện thoại:

4. Số vốn góp, nắm giữ cổ phần tại các tổ chức khác

- Tên tổ chức, doanh nghiệp mà pháp nhân đang có vốn góp, nắm giữ cổ phần.
- Số vốn góp, nắm giữ cổ phần; tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức, doanh nghiệp đó:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân..... và các quy định của pháp luật có liên quan, (tên pháp nhân) đăng ký tham gia làm thành viên Quỹ tín dụng nhân dân. với số tiền góp vốn là đồng.

5. Cam kết

- a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của Quỹ tín dụng nhân dân
- b) Có đủ năng lực tài chính để góp vốn vào Quỹ tín dụng nhân dân..... theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Không sử dụng vốn ủy thác, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào quỹ tín dụng nhân dân;
- c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân. và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 04

Sơ yếu lý lịch

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN ngày 01/3/2023 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh màu (4x6)
đóng dấu giáp lai
của cơ quan xác
nhận lý lịch

1. Về bản thân

a) Họ và tên khai sinh.

b) Họ và tên thường gọi:

c) Bí danh (*nếu có*).

d) Ngày, tháng, năm sinh:

đ) Nơi sinh:

e) Quốc tịch (*các quốc tịch hiện có*):

g) Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (*Số thẻ Căn cước công dân được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sử dụng để khai thác thông tin về cư trú trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ*).

h) Địa chỉ nơi cư trú:

i) Tên và địa chỉ pháp nhân; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính, tên khóa học; thời gian học; tên bằng (*liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm*).

3. Quá trình công tác

a) Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (*từ năm 18 tuổi đến nay*) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

b) Các chức vụ đã đảm nhiệm tại các tổ chức khác.

c) Chức vụ dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại quỹ tín dụng nhân dân.

d) Khen thưởng, kỷ luật (*nếu có*).

4. Môi quan hệ

a) Kê đầy đủ mối quan hệ với người có liên quan là cá nhân gồm: bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột (*trong đó nêu rõ tên, tuổi, ngày, tháng, năm sinh, số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, địa chỉ nơi cư trú, nơi công tác*).

b) Đối với người có liên quan là pháp nhân: ngoài việc kê khai người có liên quan của pháp nhân là cá nhân theo mục a trên đây phải kê khai đầy đủ tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương của pháp nhân; người đại diện theo pháp luật của các pháp nhân tham gia góp vốn thành lập.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.....

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

Xác nhân của Ủy ban nhân dân nơi cư trú
(hoặc cơ quan nơi làm việc)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 05
Mẫu sổ góp vốn

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN ngày 01/3/2023 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

Mặt trước

<p>Một số điểm cần chú ý</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mỗi lần góp vốn, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng vốn góp, thành viên phải mang sổ góp vốn đến làm thủ tục tại quỹ tín dụng nhân dân. • Thành viên có trách nhiệm bảo quản Sổ góp vốn cẩn thận, tránh hư hỏng, rách nát. • Khi mất Sổ góp vốn, thành viên phải báo ngay cho quỹ tín dụng nhân dân biết để xử lý theo chế độ. 	<p align="center">Quỹ tín dụng nhân dân</p> <p align="center">Sổ góp vốn</p> <p align="center">Số:</p> <p>(1):</p> <p>(2):</p> <p>(3) Số</p> <p align="right">Ngày tháng năm . . .</p> <p align="center"> Người góp vốn (hoặc đại diện pháp nhân) <i>(Ký tên, ghi rõ họ tên)</i> </p> <p align="right"> Giám đốc <i>(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i> </p> <p>(1): Họ, tên (đối với thành viên là cá nhân), họ, tên người đại diện (đối với thành viên là hộ gia đình), tên tổ chức (đối với thành viên là pháp nhân).</p> <p>(2): Địa chỉ nơi cư trú (đối với thành viên là cá nhân, hộ gia đình); địa chỉ trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân).</p> <p>(3): Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu (đối với thành viên là cá nhân); số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện (đối với thành viên là hộ gia đình); mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương (đối với thành viên là pháp nhân)</p>
---	--

Mặt sau

Số TT	Ngày, tháng, năm	GÓP VỐN, CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG	CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP		NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP		SỐ DƯ VỐN GÓP		CHỮ KÝ	
			Họ, tên	Địa chỉ	Họ, tên	Địa chỉ	Bảng số	Bảng chữ	Kế toán	Giám đốc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Trong đó:

Cột (3): Số tiền góp vốn, chuyển nhượng vốn góp, nhận chuyển nhượng vốn góp.

Cột (4): Tên của cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân nhận chuyển nhượng vốn góp.

Cột (5): Địa chỉ nơi cư trú (đối với cá nhân, hộ gia đình chuyển nhượng vốn góp); địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân chuyển nhượng vốn góp).

Cột (6). Tên của cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân chuyển nhượng vốn góp cho thành viên.

Cột (7): Địa chỉ nơi cư trú (đối với cá nhân, hộ gia đình nhận chuyển nhượng vốn góp); địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân nhận chuyển nhượng vốn góp)

Mẫu Giấy phép

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHI NHÁNH.....

Số: /GP-...

..., ngày .. tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số /20../TT-NHNN ngày...tháng...năm 20 . của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của các thành viên sáng lập Quỹ tín dụng nhân dân và hồ sơ kèm theo;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép thành lập quỹ tín dụng nhân dân như sau:

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điều 2. Nội dung, phạm vi hoạt động:

1. Các hoạt động ... (liệt kê các hoạt động đề nghị và được chấp thuận tương ứng theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này).

2. Các hoạt động ngoài các hoạt động nêu trên thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 3. Địa bàn hoạt động:

Điều 4. Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân là... đồng (bằng chữ:...).

Điều 5. Thời hạn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân... là... năm.

Điều 6. Trong quá trình hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân... phải tuân thủ pháp luật Việt nam.

Điều 7. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân... được lập thành 04 (bốn) bản chính: 01 (một) bản cấp cho quỹ tín dụng nhân dân...; 01 (một) bản để đăng ký kinh doanh; 01 (một) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố..., 01 (một) bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân...

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- UBND Tỉnh/Thành phố.... 1
- Lưu VP, TTGSNH. 